

Số: 72/NQ-HĐND

Vĩnh Cửu, ngày 19 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn huyện (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU  
KHÓA XII – KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Công văn số 6182/UBND-KTNS ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung chi hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2022 (đợt 1);*

*Căn cứ Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 08 tháng 07 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2022 (đợt 1);*

*Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-STC ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai V/v giao bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 1);*

*Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (đợt 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*



**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn huyện (đợt 2). Cụ thể như sau:

**1/ Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước:**

	<b>142.648.119.354 đồng</b>
<b>a/ Nguồn thu từ ngân sách tỉnh:</b>	<b>134.612.000.000 đồng</b>
Nguồn thu từ NS tỉnh chi đầu tư XDCB:	16.000.000.000 đồng
Nguồn thu từ NS tỉnh chi thường xuyên:	118.612.000.000 đồng

<b>b/ Nguồn thu từ ngân sách huyện:</b>	<b>8.036.119.354 đồng</b>
Nguồn thu từ NS huyện chi đầu tư XDCB:	0 đồng
Nguồn thu từ NS huyện chi thường xuyên:	8.036.119.354 đồng
<i>Nguồn kết dư CTX năm 2021 chuyển sang:</i>	<i>5.785.499.667 đồng</i>
<i>Nguồn kết dư TSDĐ năm 2021 chuyển sang:</i>	<i>1.015.885.126 đồng</i>
<i>Nguồn cải cách tiền lương:</i>	<i>1.234.734.561 đồng</i>

**2/ Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương: 86.566.407.664 đồng**

<b>a/ Đối với Chi đầu tư XDCB:</b>	<b>16.000.000.000 đồng</b>
<b>b/ Đối với Chi thường xuyên:</b>	<b>70.556.407.664 đồng</b>
Sự nghiệp Y tế:	56.058.689.326 đồng
Sự nghiệp Kinh tế:	7.386.000.000 đồng
Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo:	20.000.000 đồng
Sự nghiệp Văn hóa thông tin:	176.045.235 đồng
Sự nghiệp Đảm bảo xã hội:	4.710.370.000 đồng
Chi Quản lý nhà nước, đảng:	916.287.997 đồng
Chi Quốc Phòng:	248.000.000 đồng
Chi Khác:	1.051.015.126 đồng

*(Chi tiết tại phụ lục I, II đính kèm)*

**Điều 2.**

1. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu khóa XII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 7 năm 2022./. Ums

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai;
  - Thường trực Huyện ủy;
  - Thường trực HĐND, UBND huyện;
  - Các Ban HĐND huyện;
  - Đại biểu HĐND huyện;
  - Các Ban XD Đảng, Văn phòng Huyện ủy;
  - UBMTTQVN và các đoàn thể huyện;
  - Viện KSND, TAND huyện;
  - Các phòng ban, cơ quan thuộc huyện;
  - HĐND, UBND các xã, thị trấn;
  - Trang thông tin điện tử huyện;
  - Lưu: VT, TH HĐND.
- D/HĐND/ha.tuan/2022/NQ

**CHỦ TỊCH**



**Lê Đỗ Kim Chi**



**Phụ lục I**  
**CÂN ĐỐI NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022 (ĐỢT 2)**  
 (Kèm theo Nghị quyết số: 72 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Vĩnh Cửu)

Đơn vị tính: đồng

A	NGUỒN THU	SỐ TIỀN	B	NHU CẦU CHI	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TÒN
	<b>TỔNG THU</b>	<b>142.648.119.354</b>		<b>TỔNG CHI</b>		<b>86.566.407.664</b>	<b>56.081.711.690</b>
<b>I</b>	<b>NGUỒN KẾT DƯ CTX</b>	<b>5.785.499.667</b>	<b>I</b>		<b>NGUỒN KẾT DƯ CTX</b>	<b>3.544.787.977</b>	<b>2.240.711.690</b>
				Bổ sung kinh phí trợ cấp khó khăn trong dịp tết nguyên đán Nhâm Dần	Phòng Lao động - thương Binh & Xã Hội	2.580.200.000	
				Bổ sung kinh phí chi học sinh - sinh viên	Phòng Lao động - thương Binh & Xã Hội	18.170.000	
				Bổ sung kinh phí trợ cấp khó khăn trong dịp tết chi trả hỗ trợ cho đảng viên 30 tuổi đảng trở lên trong dịp Tết nguyên đán Nhâm dần	Văn Phòng huyện Ủy	230.000.000	
				Bổ sung kinh phí hoạt động đặc thù	Văn Phòng HĐND&UBND huyện	187.596.500	
				Bổ sung kinh phí hoạt động đặc thù	Văn Phòng huyện Ủy	230.597.352	
				Bổ sung kinh phí khen thưởng năm 2021	Phòng Nội vụ	262.985.000	
				Bổ sung kinh phí chi với chế độ chế độ với cán bộ công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghề việc	UBND các xã, thị trấn Vĩnh An	109.125	
				Kinh phí xét xử lưu động	Tòa Án huyện	35.130.000	
<b>II</b>	<b>NGUỒN KẾT DƯ TSDD</b>	<b>1.015.885.126</b>	<b>II</b>		<b>NGUỒN KẾT DƯ TSDD</b>	<b>1.015.885.126</b>	
				Chi tiền chậm nộp tiền sử dụng đất hoàn trả ngân sách tỉnh (40%) theo biên bản thẩm tra quyết toán ngân sách nhà nước năm	Ngân sách huyện	1.015.885.126	
<b>III</b>	<b>NGUỒN CCTL</b>	<b>1.234.734.561</b>	<b>III</b>		<b>NGUỒN CCTL</b>	<b>1.234.734.561</b>	
				Bổ sung kinh phí mai táng phi covid-19	Phòng Lao động TBXH	72.000.000	
				Bổ sung kinh phí tham gia chế độ phòng chống dịch-19 khu cách ly TTBDCT	Phòng Y tế	122.150.000	
				Bổ sung kinh phí di dời tài sản, vật dụng, thiết yếu, sửa chữa khu cách ly	Phòng Kinh tế hạ tầng	134.770.000	





A	NGUỒN THU	SỐ TIỀN	B	NHU CẦU CHI	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TỶ LỆ
	Kinh phí chênh lệch tiền ăn của quán sự theo Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ Quốc phòng	248.000.000				248.000.000	0
				Bổ sung kinh phí chênh lệch tiền ăn của quán sự theo Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ quốc phòng	UBND các xã thị trấn Vĩnh An	186.786.000	0
				Bổ sung kinh phí chênh lệch tiền ăn của quán sự theo Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ quốc phòng	Ban chỉ huy quân sự huyện	61.214.000	0



**PHỤ LỤC II**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 (ĐỢT 2)**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 72/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Vĩnh Cửu)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền	trong đó			Tinh cấp bổ sung	Ghi chú
				Nguồn kết dư chi thường	Nguồn kết dư tiền sử dụng	CCTL		
A	B	C	D=1+2+3+4+5	1	2	3	4	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>86.566.407.664</b>	<b>3.544.787.977</b>	<b>1.015.885.126</b>	<b>1.234.734.561</b>	<b>80.771.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư</b>		<b>16.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>16.000.000.000</b>	
		Bổ sung k/p khen thưởng xã nông thôn mới nâng cao	1.000.000.000				1.000.000.000	
		Bổ sung k/p hỗ trợ các dự án xã hội hóa (nguồn xổ số kiến thiết)	15.000.000.000				15.000.000.000	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>		<b>70.566.407.664</b>	<b>3.544.787.977</b>	<b>1.015.885.126</b>	<b>1.234.734.561</b>	<b>64.771.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Sự nghiệp y tế:</b>		<b>56.058.689.326</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.058.689.326</b>	<b>55.000.000.000</b>	
		Bổ sung k/p hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ	30.000.000.000				30.000.000.000	
		<b>Bổ sung k/p phòng chống dịch Covid-19</b>	<b>26.058.689.326</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.058.689.326</b>	<b>25.000.000.000</b>	
		Bổ sung k/p mai táng phí covid-19	72.000.000			72.000.000		
	Phòng Y tế	Bổ sung k/p tham gia chế độ phòng chống dịch-19 khu cách ly TTBDCT	122.150.000			122.150.000		
	Phòng Kinh tế hạ tầng	Bổ sung k/p di dời tài sản, vật dựng, thiết yếu, sửa chữa khu cách ly	134.770.000			134.770.000		
	UBND các xã thị trấn Vĩnh An	Bổ sung k/p phòng chống dịch Covid-19	6.790.913.000			729.769.326	6.061.143.674	
		<b>Bổ sung k/p phòng chống dịch Covid-19</b>	<b>18.938.856.326</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.938.856.326</b>	Chi hoàn trả nguồn CCTL huyện mượn để chi kinh phí phòng chống dịch Covid-19
	<b>Khoá huyện</b>		<b>48.604.326</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>48.604.326</b>	
	Phòng Y tế	Kinh phí thanh toán tiền điện, tiền nước, cước internet phục vụ khu cách ly tại Trung tâm BDCT huyện	31.654.326				31.654.326	
	Ban chỉ huy quân sự	Kinh phí phụ cấp cho Ban điều hành KCL (HTX Thiên Tân, Cty TNHH Thành Phú)	16.950.000				16.950.000	
	<b>UBND các xã thị trấn Vĩnh An</b>		<b>18.890.252.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.890.252.000</b>	
	Xã Tân An	Kinh phí hỗ trợ người khuyết tật và người cao tuổi điều trị COVID-19 (F0) và cách ly y tế (F1)	24.000.000				24.000.000	
	Xã Tân Bình	Kinh phí cho công tác hỗ trợ tiền ăn F0,F1	2.542.000.000				2.542.000.000	







STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền	trong đó		CCTL	Tinh cấp bổ sung	Ghi chú
				Nguồn kết dư chi thường	Nguồn kết dư tiền sử dụng			
4	Sự nghiệp VH TT	Bổ sung k/p nghỉ việc theo Quyết định số 4338/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v tinh giản biên chế và Sơ Tài chính	176.045.235	0	0	176.045.235	0	
	Trung tâm văn hóa TTTDTT		176.045.235			176.045.235		
5	Sự nghiệp đảm bảo xã hội:		4.710.370.000	2.828.370.000	0	0	1.882.000.000	
	Phòng LĐTB&XH	Bổ sung k/p trợ cấp khó khăn trong dịp tết nguyên đán Nhâm Dần	2.580.200.000	2.580.200.000				
	Phòng LĐTB&XH	Bổ sung k/p chi học sinh-sinh viên	18.170.000	18.170.000				
	Phòng LĐTB&XH	Bổ sung k/p mai táng phí	1.331.000.000				1.331.000.000	
	Văn Phòng Huyện Ủy	Bổ sung k/p trợ cấp khó khăn trong dịp tết chi trả hỗ trợ cho đảng viên 30 tuổi đảng trợ lên trong dịp Tết nguyên đán Nhâm dần	781.000.000	230.000.000			551.000.000	
6	Chi quản lý hành Chính:		916.287.977	681.287.977	0	0	235.000.000	
	a/Quản lý nhà nước:		685.690.625	450.690.625	0	0	235.000.000	
	Văn Phòng HDND&UBND huyện	Bổ sung k/p hoạt động đặc thù	187.596.500	187.596.500				
	Phòng Nội vụ	Bổ sung k/p khen thưởng	262.985.000	262.985.000				
	UBND các xã thị trấn Vĩnh An	Bổ sung k/p chi nghỉ việc với cán bộ công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã của UBND các xã thị trấn Vĩnh An	235.109.125	109.125		0	235.000.000	
	b/Khối Đoàn thể:		0					
	c/ Khối Đảng		230.597.352	230.597.352	0	0	0	
	Văn Phòng huyện Ủy	Bổ sung k/p hoạt động đặc thù	230.597.352	230.597.352				
7	Quốc Phòng		248.000.000	0	0	0	248.000.000	
	UBND các xã thị trấn Vĩnh An	Bổ sung k/p chênh lệch tiền ăn của Quân sự theo Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ Quốc phòng	186.786.000				186.786.000	
	Ban chỉ huy quân sự huyện	Bổ sung k/p chênh lệch tiền ăn của Quân sự theo Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ Quốc phòng	61.214.000				61.214.000	
8	Chi khác		1.051.015.126	35.130.000	1.015.885.126	0	0	
	Tòa Án huyện	Bổ sung k/p xử lưu động	35.130.000	35.130.000				
	Ngân sách tỉnh	Hoàn trả ngân sách tỉnh tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (40%) theo biên bản thẩm tra quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021	1.015.885.126		1.015.885.126			